Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 31-03-2025 10:28:13 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 197 + 198 **Ngày 01 tháng 4 năm 2025**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-02-2025- Quyết định số 572/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao. 2

(Đăng từ Công báo số 197 + 198 đến số 199 + 200)

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 31-03-2025 10:28:51 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 572/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố tại Tờ trình số 02/TTr-KCNC ngày 07 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 11 quy trình nội bộ điều chỉnh bổ sung giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

Danh mục và nội dung chi tiết của 11 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung phê duyệt quy trình nội bộ có thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 9, 12, 13, 15, 16, 19 tại danh mục quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.V.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ	GHI CHÚ
Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam		
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	
3	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ	GHI CHÚ
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
9	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	
10	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
11	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

QUY TRÌNH 01

Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.[1]	04	Bản chính
2	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.[2]	04	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
3	Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực	04	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ

[1] Theo điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[2] Theo điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.[3]		trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
4	Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.[4]	04	Bản chính
5	Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.[5]	04	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia

[3] Theo điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[4] Theo điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[5] Theo điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
			về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
6	Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.[6]	04	Bản chính
7	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.[7]	04	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
8	Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).[8]	04	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

[6] Theo điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[7] Theo điểm g khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[8] Theo điểm h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố *(http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn)* và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.	25 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	**Nộp hồ sơ**	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý		1.BM 01 2.BM 02 3.BM 03	**1. Tiếp nhận trực tiếp:** - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					theo BM03. **2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến** - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. => Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Xúc tiến đầu tư.
B2	**Chuyển hồ sơ**	Bộ phận tiếp nhận và	0,25 ngày (02 giờ)	Theo Mục I Theo BM01	Chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng Xúc tiến đầu tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		trả kết quả			
B3	**Thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo văn bản lấy ý kiến.[9]	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành giải quyết TTHC: - Soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản lấy ý kiến (nếu có). Thực hiện B3.1 và B3.2
B3.1	**Xem xét, ký nháy**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo văn bản lấy ý kiến.	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.
B3.2	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Văn bản lấy ý kiến.	Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. **Chuyển sang Bước 4**.
Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban Quản lý Khu công nghệ cao [(10)]. (lấy ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; và các Sở chuyên ngành khác liên quan đến					

[9] Theo điểm b khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[10] Theo điểm c khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
mục tiêu dự án đầu tư). *Trong thời hạn lấy ý kiến của cơ quan chuyên ngành, Phòng Xúc tiến đầu tư lấy ý kiến các Phòng chuyên môn (Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế; Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường; Phòng Quản lý Doanh nghiệp), thời gian 05 ngày làm việc[11].* *+ Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Có ý kiến về điểm đ khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020; ý kiến về lựa chọn công nghệ dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh đã được tổ chức đánh giá theo Quyết định số 175/QĐ-KCNC ngày 25/8/2022 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).* *+ Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường: Có ý kiến về nhu cầu sử dụng đất, quy hoạch, xây dựng, môi trường, hiện trạng đất đai, hạ tầng kỹ thuật, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai và môi trường theo quy định và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).* *+ Phòng Quản lý Doanh nghiệp: Có ý kiến về tình hình hoạt động dự án của Nhà đầu tư (đối với trường hợp Nhà đầu tư đã có dự án tại Khu Công nghệ cao) và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).*				
B4	**Tổng hợp ý kiến, giải quyết TTHC**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ[12];	Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét. **Chuyển sang bước B5**

[11] Theo khoản 2 Điều 13 Quyết định số 206/QĐ-KCNC ngày 19/8/2021 của Ban Quản lý.

[12] Theo điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý[13])	
B5	**Xem xét, trình ký**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	02 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý)	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ, ký trình Lãnh đạo Ban ký duyệt kết quả. **Chuyển sang bước B6**
B6	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	Theo mục I BM 01 Hồ sơ trình Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ và ký duyệt kết quả giải quyết TTHC. **Chuyển sang bước B7**

[13] Theo điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B7	**Phát hành văn bản**	Văn thư - Ban Quản lý	01 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. **Chuyển sang bước B8**.
B8	**Trả kết quả, thống kê và theo dõi**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
5	BM 05	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
6	BM 06	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
5	BM 05	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
6	BM 06	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).
7	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý.
8	//	Văn bản góp ý của các cơ quan.
9	//	Tờ trình thẩm định của Phòng Xúc tiến đầu tư đính kèm dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối.
10	//	Toàn bộ hồ sơ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ban Quản lý theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao./.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	*… … …., ngày … … tháng … … năm … …*

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày … tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày … .tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../HDHS	*……, ngày …… tháng …… năm ……*

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..... Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với …….. số điện thoại ……. để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	*… … …., ngày … … tháng … … năm … …*

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04

Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021

Mẫu A.I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: …….. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: ……Giới tính: .....

Ngày sinh:..... ……Quốc tịch:.....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân[1])* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: …..

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: …….Fax: ……Email: .....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

...*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức[2])* số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp:.....

[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: ……Fax: …… Email: …… Website *(nếu có)*:.....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.[3])*:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam): .....*

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: ……Giới tính: .....

Ngày sinh:..... ……Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ....

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: …….Fax: ……Email: .....

2. Nhà đầu tư tiếp theo *(nếu có)*: kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP *(đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)*

1. Tên tổ chức kinh tế: .....

2. Loại hình tổ chức kinh tế .....

3. Vốn điều lệ:…….. *(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ*

---

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

[3] Đính kèm danh sách thành viên, cổ đông nước ngoài đối với trường hợp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần.

giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: .....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC (*) *(đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)*
1	.....		
2	.....		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí *(nếu có)*:

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng *(m^2 hoặc ha);*

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến *(diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều*

cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m^2;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m^2;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự … theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: …… căn;

- Quy mô dân số: …… người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:…..*(có/không);*

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: …....*(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.....)*, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...*(bằng chữ)* đồng và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

- Vốn huy động: ……. *(bằng chữ) đồng* và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : .....

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác : .....

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :.....

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án *(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...)* và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

5. Thời hạn hoạt động của dự án: .....

6. Tiến độ thực hiện dự án: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có);*

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có);*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định

đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư *(nếu có)*.

3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.

4. Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*.

……., ngày ….. tháng …..năm……

Nhà đầu tư

(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

BM 05

Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021

Mẫu A.I.3

Đề xuất dự án đầu tư

(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)

(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày .... tháng ... năm....)

I. NHÀ ĐẦU TƯ /HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư (Ghi tên từng nhà đầu tư theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư)

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*: (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: *ghi chi tiết như nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất *(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).*

2.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý):*

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về

đất đai *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình*)

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ *(nếu có)*

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất *(nếu có)***.**

4. Nhu cầu về lao động *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường *(nếu có)* **theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**

8. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài *(nếu có)*

9. Đối với dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (*nếu có*); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a

khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

10. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (*đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).*

11. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(nếu có)*

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế *(nếu có)*

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt *(nếu có)*

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư *(nếu có)*

... ……., ngày ….. tháng …..năm……

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

BM 06

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

(Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)

Mẫu A.II.1

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư

(Khoản 6 Điều 32, khoản 5 Điều 33, điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-…	

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày….. tháng…. năm……)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số…/2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ…. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do .....nộp ngày ..... và hồ sơ bổ sung nộp ngày .... (nếu có) và ý kiến của các cơ quan liên quan,

Xét báo cáo thẩm định số ... ... ngày..... tháng .....năm..... của ..... .;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án …… với các nội dung sau đây:

[1] Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

2. Tên dự án *(nếu có)*: .....

3. Mục tiêu dự án: .....

4. Quy mô dự án[2]**:** .....

5. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, *nếu có*):.....

6. Thời hạn hoạt động của dự án: .... năm *(được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất)*

7. Địa điểm thực hiện dự án:.....

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và tiến độ dự kiến huy động các nguồn vốn;

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có)*

- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

9. Công nghệ áp dụng *(nếu có)*:.....

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng *(nếu có)***:**

Ghi rõ hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng *(nếu có)*.

11. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư *(nếu có)*: .....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực

---

[2] Đối với dự án có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ: Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương, nếu có

hiện dự án đầu tư:

a) .....

b) .....

2. Giao……..tổ chức đấu giá *(đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất)*, ……. chịu trách nhiệm về tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành *(đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu thầu)*.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư:.....

2. …..(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho……. *(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ)* và một bản được lưu tại ……. *(tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư)*.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,….

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ
(ký tên/đóng dấu)

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

QUY TRÌNH 02

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.[1]	01	Bản chính
2	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.[2]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
3	Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng

[1] Theo điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[2] Theo điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.[3]		ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
4	Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.[4]	01	Bản chính
5	Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.[5]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số

[3] Theo điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[4] Theo điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[5] Theo điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
			31/2021/NĐ-CP)
6	Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.[6]	01	Bản chính
7	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.[7]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
8	Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).[8]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố	15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

[6] Theo điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[7] Theo điểm g khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

[8] Theo điểm h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố *(http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn)* và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.		

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	**Nộp hồ sơ**	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý		1.BM 01 2.BM 02 3.BM 03	**1. Tiếp nhận trực tiếp:** - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. => Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Xúc tiến đầu tư.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B2	**Chuyển hồ sơ**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày (02 giờ)	Theo Mục I Theo BM01	Chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng Xúc tiến đầu tư.
B3	**Thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có), tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo văn bản lấy ý kiến.[9]	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành giải quyết TTHC: - Soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản lấy ý kiến (nếu có). Thực hiện B3.1 và B3.2 - Trường hợp không lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn liên quan, Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành lấy ý kiến các Phòng chuyên môn và **thực hiện Bước 4**.
B3.1	**Xem xét, ký nháy**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo văn bản lấy ý kiến.	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.
B3.2	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Văn bản lấy ý kiến.	Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. **Chuyển sang Bước 4.**

[9] Theo điểm b khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban Quản lý Khu công nghệ cao [10]. (lấy ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; và các Sở chuyên ngành khác liên quan đến mục tiêu dự án đầu tư). *Trong thời hạn lấy ý kiến của cơ quan chuyên ngành, Phòng Xúc tiến đầu tư lấy ý kiến các Phòng chuyên môn (Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế; Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường; Phòng Quản lý Doanh nghiệp), thời gian 05 ngày làm việc[11].* *+ Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Có ý kiến về điểm đ khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020; ý kiến về lựa chọn công nghệ dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh đã được tổ chức đánh giá theo Quyết định số 175/QĐ-KCNC ngày 25/8/2022 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).* *+ Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường: Có ý kiến về nhu cầu sử dụng đất, quy hoạch, xây dựng, môi trường, hiện trạng đất đai, hạ tầng kỹ thuật, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai và môi trường theo quy định và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).* *+ Phòng Quản lý Doanh nghiệp: Có ý kiến về tình hình hoạt động dự án của Nhà đầu tư (đối với trường hợp Nhà đầu tư đã có dự án tại Khu Công nghệ cao) và các nội dung, lưu ý liên quan khác (nếu có).*				
B4	**Tổng hợp ý kiến, giải quyết TTHC**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết	Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét. **Chuyển sang bước B5**

[10] Theo điểm c khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[11] Theo khoản 2 Điều 13 Quyết định số 206/QĐ-KCNC ngày 19/8/2021 của Ban Quản lý.

[12] Theo điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ[12]; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Ban Quản lý[13])	
B5	**Xem xét, trình ký**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Ban Quản lý)	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ, ký trình Lãnh đạo Ban ký duyệt kết quả. **Chuyển sang bước B6**
B6	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	1/2 ngày	Theo mục I BM 01 Hồ sơ trình Dự thảo kết	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ và ký duyệt kết quả giải quyết TTHC. **Chuyển sang bước B7**

[13] Theo khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				quả giải quyết TTHC	
B7	**Phát hành văn bản**	Văn thư - Ban Quản lý	1/2 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. **Chuyển sang bước B8**.
B8	**Trả kết quả, thống kê và theo dõi**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
5	BM 05	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mẫu A.I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mẫu A.II.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
5	BM 05	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mẫu A.I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mẫu A.II.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).
7	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý (nếu có).
8	//	Văn bản góp ý của các cơ quan (nếu có).
9	//	Tờ trình thẩm định của Phòng Xúc tiến đầu tư đính kèm dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản từ chối.
10	//	Toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư /Văn bản từ chối của Ban Quản lý theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao./.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	*… … …., ngày … … tháng … … năm … …*

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày … tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày … .tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ	NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../HDHS	*… … …...., ngày … … tháng … … năm … …*

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..... Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với …….. số điện thoại ……. để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	*……, ngày …… tháng …… năm ……*

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021

Mẫu A.I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: …….. *(Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: ……Giới tính: .....

Ngày sinh:..... ……Quốc tịch:.....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân[1])* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: …..

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: …….Fax: ……Email: .....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức[2]) số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp:.....

[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: ……Fax: …… Email: …… Website *(nếu có)*:.....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.[3])*:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam): .....*

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: ……Giới tính: .....

Ngày sinh:..... ……Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ....

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: …….Fax: ……Email: .....

2. Nhà đầu tư tiếp theo *(nếu có)*: kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP *(đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)*

1. Tên tổ chức kinh tế: .....

2. Loại hình tổ chức kinh tế .....

3. Vốn điều lệ:…….. *(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ*

---

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

[3] Đính kèm danh sách thành viên, cổ đông nước ngoài đối với trường hợp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần.

giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: .....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC (*) *(đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)*
1	.....		
2	.....		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí *(nếu có)*:

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng *(m^2 hoặc ha);*

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến *(diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều*

cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m^2;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m^2;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự … theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: …… căn;

- Quy mô dân số: …… người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:…..*(có/không);*

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: …....*(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.....)*, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...*(bằng chữ)* đồng và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

- Vốn huy động: ……. *(bằng chữ) đồng* và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : .....

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác : .....

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :.....

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án *(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...)* và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

5. Thời hạn hoạt động của dự án: .....

6. Tiến độ thực hiện dự án: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có);*

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có);*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định

đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư *(nếu có).*

3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.

4. Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có).*

……., ngày ….. tháng …..năm……

Nhà đầu tư

(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

BM 05

Đề xuất dự án đầu tư

Mẫu A.I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021

Mẫu A.I.4

Đề xuất dự án đầu tư

(Dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)

(Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày .... tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án .....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC (*) *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)*
1	*(Ngành kinh doanh chính)*		
2	.....		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí *(nếu có)*

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng *(m^2 hoặc ha)*

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch).

- Công suất thiết kế

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến *(diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...)*

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m^2;

- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m^2;

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự … theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: …… căn;

- Quy mô dân số: …… người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:…..*(có/không);*

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:…..*(có/không);*

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư: …....*(bằng chữ)* đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.....)*, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...*(bằng chữ)* đồng và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

- Vốn huy động: ……. *(bằng chữ) đồng* và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : .....

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác : .....

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :.....

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án *(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1						
…						

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động *(vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...)* và tiến độ dự kiến.

c) Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

5. Thời hạn hoạt động của dự án: .....

6. Tiến độ thực hiện dự án*(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành hoặc khai thác vận hành *(nếu có)*

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

7. Nhu cầu về lao động: *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của

địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

9. Thông tin về đất đai *(nếu có)*

a) Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai:

b) Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất

c) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan *(nếu có)*

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường *(nếu có)* **theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**

12. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài *(nếu có)*

13. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng *(nếu có)*

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất *(nếu có)*

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế *(nếu có)*

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt *(nếu có)*

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư *(nếu có)*

... ……., ngày ….. tháng …..năm……

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

BM 06

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

(Mẫu A.II.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: ……..

Chứng nhận lần đầu: ngày… … … tháng… … …. năm … ….

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số…/2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư.... số ....ngày.....của…. (nếu có);

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số…. ngày….của… (nếu có);

Căn cứ Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư số….. ngày…… của….. (nếu có);

Căn cứ …. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của … ;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư/các nhà đầu tư nộp ngày .....và hồ sơ bổ sung (nếu có) nộp ngày ....,

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: …… Giới tính: .....

Ngày sinh: ……..…… Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[1] số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ……

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: .....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

...*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*[2] số: ....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp:....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: …… Website *(nếu có):* .....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: …… Giới tính: .....

Chức danh: …… Ngày sinh: ……..…..... Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ……

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: .....

2. Nhà đầu tư tiếp theo *(nếu có)*: ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

(*Trong trường hợp có từ 05 nhà đầu tư trở lên, cơ quan đăng ký đầu tư có thể lựa chọn ghi danh sách nhà đầu tư trong phụ lục đính kèm*).

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

---

[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

2. Mục tiêu dự án: .....

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC (*) *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)*
1	*(Ngành kinh doanh chính)*		
2	…….		

3. Quy mô dự án: .....

4. Địa điểm thực hiện dự án: .....

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng *(nếu có):* ..... m^2 hoặc ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: ..... *(bằng chữ)* đồng, tương đương ..... *(bằng chữ)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.....),* trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là:.....*(bằng chữ)* đồng, tương đương ..... *(bằng chữ)* đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ .....% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau *(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

- Vốn huy động: ……. *(bằng chữ) đồng* và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ,

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

7. Thời hạn hoạt động của dự án: ..... năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có)*

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có):* .....

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có):* .....

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có):* .....

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế *(nếu có)*

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có):* .....

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt *(nếu có)*:.....

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án *(nếu có)*:.....

3. .....

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành …. *(bằng chữ)* bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:.... (*tên cơ quan đăng ký đầu tư*) và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT,…

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

QUY TRÌNH 03

Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

(Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành.[1]	01	Bản chính
2	Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành.[2]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

[1] Theo điểm a khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư năm 2020.

[2] Theo điểm b khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư năm 2020.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
3	Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành.[3]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
4	Hợp đồng BCC.[4]	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố *(http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn)* và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa -	15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

[3] Theo điểm c khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư năm 2020.

[4] Theo điểm d khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư năm 2020.

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.		

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	**Nộp hồ sơ**	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý		1.BM 01 2.BM 02 3.BM 03	**1. Tiếp nhận trực tiếp:** - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. **2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến** - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. => Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Xúc tiến đầu tư.
B2	**Chuyển hồ sơ**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày (02 giờ)	Theo Mục I Theo BM01	Chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng Xúc tiến đầu tư.
B3	**Thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có),**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành giải quyết TTHC: - Soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản lấy ý kiến (nếu có). Thực hiện B3.1 và B3.2 - Trường hợp không lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn liên quan, **thực hiện Bước 4**.

[5] Theo điểm b khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC			văn bản lấy ý kiến.[5]	
B3.1	**Xem xét, ký nháy**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Dự thảo văn bản lấy ý kiến.	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.
B3.2	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: - Phiếu trình. - Văn bản lấy ý kiến.	Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. **Chuyển sang Bước 4**.
Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu công nghệ cao (nếu có), cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban Quản lý Khu công nghệ cao.					
B4	**Tổng hợp ý kiến, giải quyết**	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01;	Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	TTHC			Hồ sơ trình: - Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ[6]; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của Ban Quản lý[7])	xem xét. **Chuyển sang bước B5**.
B5	**Xem xét, trình ký**	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư	1/2 ngày	Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:	Lãnh đạo Phòng Xúc tiến đầu tư xem xét hồ sơ, ký trình Lãnh đạo Ban ký duyệt kết quả. **Chuyển sang bước B6**.

[6] Theo điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[7] Theo khoản 5 Điều 49 Luật Đầu tư năm 2020.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				- Ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến; - Tờ trình giải quyết TTHC; - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC (Văn bản thông báo kết quả đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của Ban Quản lý)	
B6	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	1/2 ngày	Theo mục I BM 01 Hồ sơ trình Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ và ký duyệt kết quả giải quyết TTHC. **Chuyển sang bước B7**.
B7	**Phát hành văn bản**	Văn thư - Ban Quản lý	1/2 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. **Chuyển sang bước B8**.
B8	**Trả kết quả, thống kê và theo dõi**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (Mẫu A.I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành (Mẫu A.II.12 ban hành kèm Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
		lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (Mẫu A.I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành (Mẫu A.II.12 ban hành kèm Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021).
6	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý (nếu có).
7	//	Văn bản góp ý của các cơ quan (nếu có).
8	//	Tờ trình thẩm định của Phòng Xúc tiến đầu tư đính kèm dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành /Văn bản từ chối.
9	//	Toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành /Văn bản từ chối của Ban Quản lý theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và

đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao./.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	……, *ngày …… tháng …… năm ……*

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày … tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày … .tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../HDHS	*……, ngày …… tháng …… năm ……*

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..... Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với …….. số điện thoại ……. để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ, NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** (hoặc) **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../TTPVHCC (BPTNTKQ)	*… … …., ngày … … tháng … … năm … …*

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh

(Mẫu A.I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)

Mẫu A.I.8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Kính gửi: ……. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: ……Giới tính: .....

Ngày sinh:..... ……Quốc tịch:.....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[1] số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: …….Fax: ……Email: .....

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)[2] số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Điện thoại: ……Fax: …… Email: …… Website *(nếu có)*:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam *(nếu có):* .....

II.THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh: .....

3. Ngày cấp:.....

4. Cơ quan cấp: .....

5. Địa điểm thực hiện dự án: .....

6. Mục tiêu dự án: .....

7. Tiến độ:.....

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt: .....

Tên bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):* .....

Tên viết tắt *(nếu có):* .....

2. Địa chỉ văn phòng *(ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)*: .....

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành *(ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):* .....

4. Thời hạn hoạt động *(kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):* .....

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

---

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Họ tên: …….. Giới tính: .....

Ngày sinh: ……..…….……Quốc tịch: .....

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số : .....

Ngày cấp: ....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……Fax: ……Email: .....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư *(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).*

2. Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư *(hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,……).*

... ……., ngày ….. tháng …… năm …

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh

và đóng dấu *(nếu có)*

BM 05

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành

(Mẫu A.II.12 ban hành kèm Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021)

Mẫu A.II.12

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành

(Khoản 5 Điều 49 Luật Đầu tư)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

(chứng nhận lần đầu: ngày….. tháng…. năm)

(chứng nhận thay đổi lần thứ…: ngày…. tháng…. năm)

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số…/2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số .....do ..... cấp ngày .....

Căn cứ.....

Căn cứ …. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;

Xét văn bản đề nghị thành lập văn phòng điều hành và hồ sơ kèm theo do..... (tên nhà đầu tư) nộp ngày ..... và hồ sơ bổ sung nộp ngày .... (nếu có),

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: …… Giới tính: .....

Ngày sinh: ……..…… Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[1] số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: .....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

..(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)[2] số: ...; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: …… Website *(nếu có):* ..

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: …… Giới tính: .....

Chức danh: …… Ngày sinh: ……..……..... Quốc tịch: .....

..... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: .....

2. Nhà đầu tư tiếp theo *(nếu có)*: ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

Đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư ..... *(tên dự án)*, mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép

---

[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

kinh doanh ..... do ..... *(tên cơ quan cấp)* cấp ngày..... tháng ..... năm ..... với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung đăng ký Văn phòng điều hành dự án đầu tư.

1. Tên văn phòng điều hành: .....

2. Địa chỉ văn phòng: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số đường hoặc lô…, tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành: .....

4. Thời hạn hoạt động: .....

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....

Giới tính: …, Ngày sinh: ….....…....…., Quốc tịch: .....

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số .....

Ngày cấp: ....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email: .....

(Trong trường hợp điều chỉnh) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký (điều chỉnh) hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số .....do .....*(tên cơ quan cấp)* cấp ngày .....

Điều 2: Giấy chứng nhận thành lập văn phòng điều hành này được lập thành .....*(bằng chữ)* bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT,…

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 04
Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư [1] ;	04 [2]	Bản chính
02	Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh [3] ;	04 [2]	Bản chính
03	Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức [4] ;	04 [2]	Bản chính
04	Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có) [5] .	04 [2]	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

[1] Theo điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[2] Theo khoản 1 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[3] Theo điểm b khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[4] Theo điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

[5] Theo điểm d khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố *(http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn)* và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.	25 ngày (quy đổi thành 19 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	**Nộp hồ sơ**	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Giờ hành chính	1.BM 01 2.BM 02 3.BM 03	**1. Tiếp nhận trực tiếp:** - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02. - Trường hợp không đúng thẩm

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. **2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến** - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. => Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.
B2	**Chuyển hồ sơ**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	02 giờ làm việc	Theo Mục I Theo BM01 *Văn bản yêu cầu chỉnh sửa bổ sung của Ban Quản lý (nếu có)*	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng Quản lý doanh nghiệp, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.
B3	**Tổng hợp, tham mưu thẩm định, lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn**	Công chức thụ lý hồ sơ	Trường hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên môn **1,5 ngày làm việc**	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Chuyên viên tổng hợp, dự thảo văn bản lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn **CHUYỂN BƯỚC 3.1**
			Trường hợp sau khi có ý kiến chuyên	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Chuyên viên thẩm định hồ sơ, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và dự thảo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			môn **03 ngày làm việc**	của cơ quan chuyên môn 4. Văn bản phản hồi của cơ quan chuyên môn	kết quả trình Lãnh đạo Phòng xem xét. **CHUYỂN BƯỚC 4**
B3.1	**Xem xét, ký nháy**	Lãnh đạo Phòng Quản lý doanh nghiệp	0,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Phiếu trình; 4. Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. **CHUYỂN BƯỚC B3.2**
B3.2	**Ký duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Phiếu trình; 4. Văn bản lấy ý kiến	Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. **CHUYỂN BƯỚC B6.**
Lưu ý: *Thời gian lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn là* ***15 ngày[6] (quy đổi thành 10 ngày làm việc).*** *Quá thời hạn quy định mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đó[7].* *- Các cơ quan được lấy ý kiến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Khoa học và Công nghệ.* *- Trường hợp lĩnh vực/dự án Nhà ở thì lấy ý kiến Sở xây dựng.* *- Tùy ngành nghề đặc thù thì lấy ý kiến thêm Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin truyền thông, Sở Du lịch,...* *- Trường hợp điều chỉnh điểm a, b, c, đ, e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020, chuyển Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác Quốc tế để lấy ý kiến.* *- Trường hợp điều chỉnh điểm a, b, c, d, đ, khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020 thì chuyển Phòng Quy hoạch Xây dựng và Môi trường để lấy ý kiến.*				

[6] Khoản 3 Điều 36 Luật Đầu tư 2020

[7] Điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	**Xem xét, trình ký**	Lãnh đạo Phòng Quản lý doanh nghiệp	01 ngày làm việc	Trường hợp hồ sơ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIẢI QUYẾT 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Phiếu trình 4. Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, giải trình	- Lãnh đạo Phòng Quản lý doanh nghiệp xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký nháy và trình Lãnh đạo Ban.
				Trường hợp trả kết quả cho Nhà đầu tư 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến (nếu có) 4. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung (nếu có) 5. văn bản phản hồi của các cơ quan chuyên môn/kết quả thẩm định công nghệ	

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				(nếu có) 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối.	
B5	**Phê duyệt**	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày làm việc	Trường hợp hồ sơ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIẢI QUYẾT 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Phiếu trình 4. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Ban xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký duyệt Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối - Tổ giúp việc Lãnh đạo Ban chuyển văn bản đã được Lãnh đạo Ban ký đến bộ phận Văn thư để phát hành
				Trường hợp trả kết quả cho Nhà đầu tư 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến (nếu có) 4. Văn bản	

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				yêu cầu điều chỉnh, bổ sung (nếu có) 5. văn bản phản hồi của các cơ quan chuyên môn/kết quả thẩm định công nghệ (nếu có) 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối.	
B6	**Phát hành văn bản**	Văn thư - Ban Quản lý	02 giờ làm việc	Trường hợp hồ sơ CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIẢI QUYẾT/Hoặc trường hợp phát hành công văn lấy ý kiến chuyên môn 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung,	Văn thư Ban Quản lý đóng dấu, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. **Trường hợp chưa đủ điều kiện để giải quyết, trả hồ sơ cho Nhà đầu tư: TRỞ LẠI BƯỚC 1.** **Trường hợp lấy ý kiến cơ quan**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				giải trình/hoặc Văn bản lấy ý kiến chuyên môn	**chuyên môn, TRỞ LẠI BƯỚC 3** **XEM LƯU Ý**
				Trường hợp trả kết quả cho Nhà đầu tư 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến (nếu có) 4. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung (nếu có) 5. văn bản phản hồi của các cơ quan chuyên môn/kết quả thẩm định công nghệ (nếu có) 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối.	Văn thư Ban Quản lý lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý **CHUYỂN SANG BƯỚC 7**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
Lưu ý: *Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung, giải trình của Ban Quản lý, nếu Nhà đầu tư không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hồ sơ thì Ban Quản lý dừng việc xem xét hồ sơ đề nghị của Nhà đầu tư.*					
B7	**Trả kết quả, thống kê và theo dõi**	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh khác) theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.
6	BM 06	Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
7	BM 07	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh khác) theo Mẫu A.I.11.h ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.
6	BM 06	Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
7	BM 07	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc văn bản từ chối
8	/	Văn bản đề nghị các cơ quan/phòng/đơn vị có liên quan có ý kiến góp ý
9	/	Văn bản góp ý của các cơ quan/phòng/đơn vị
10	/	Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức
11	/	Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có)
12	/	Báo cáo thẩm định của Phòng chuyên môn giải quyết TTHC đính kèm dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương hoặc văn bản từ chối

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 26/3/2021;

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư. Thông tư có hiệu lực từ ngày 09/4/2021.

- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định

mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao./.

Mẫu A.I.11.h

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Trường hợp điều chỉnh khác)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ[1]

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có),* Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh .....*(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có),* nay đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: …… Giới tính: ……

Ngày sinh: ……. Quốc tịch: ……..

….*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[2] số:….; ngày cấp …; Nơi cấp: …….

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: …… Fax: …….. Email: ……..

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: …….

.....*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*[3] số:….; ngày cấp …; Cơ quan cấp: …….

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: …… Fax: …….. Email: …… Website *(nếu có):……..*

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: …… Giới tính: ……

Chức danh: …… Ngày sinh: …….. Quốc tịch: ……

….(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:….; ngày cấp …; Nơi cấp: …….

Địa chỉ thường trú: ……

Chỗ ở hiện tại: ……

Điện thoại: …… Fax: …….. Email: ……..

Nhà đầu tư tiếp theo *(nếu có)***:** thông tin kê khai tương tự như nội dung mục 1 và 2 ở trên.

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN *(nếu có)*

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: …… do ……..*(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày: ....., lần điều chỉnh gần nhất *(nếu có)* ngày

3. Mã số thuế:.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có) (áp dụng đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, khi chuyển nhượng dự án làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư - thuộc các trường hợp quy định tại điểm a,b,c,d,đ,e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư).*

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có),* Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)* (hoặc tại các văn bản có giá trị tương đương): ……..

- Nay đề nghị sửa thành:.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh: .....

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)*:

……

2. Nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

a. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh: .....

- Nay đăng ký sửa thành:.....

- Lý do điều chỉnh: .....

b. Nội dung điều chỉnh tiếp theo *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):* ……

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh *(nếu có).*

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

....., ngày.....tháng.....năm.....
Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án
Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của
Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có).

[1] Áp dụng cả trong trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (khoản 1 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Khi đó, tiêu đề của mẫu đơn được ghi là: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

[3] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Mẫu A.I.12

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh

(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi: ……..*(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án *(nêu tên của tổ chức)* báo cáo về tình hình hoạt động của dự án *(tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp)* đến ngày.... tháng.... năm .... với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện *(ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký)*: ....., trong đó:

- Vốn góp *(ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn)*:

- Vốn huy động *(ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn)* trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : .....

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác : .....

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :.....

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*: .....

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có);*

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có);*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư *(nếu có)*:

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động…

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunuocngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu: .....

- Giá trị xuất, nhập khẩu: .....

- Lợi nhuận: .....

- Ưu đãi đầu tư được hưởng: .....

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài *(nếu có);* mức thu nhập bình quân của người lao động .....

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính: .....

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: .....

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có)*: .....

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba.....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng…và các quy định pháp luật khác

... ……., ngày ….. tháng ….. năm ……

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có).*

Mẫu A.II.2

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-…	

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ[2]

(cấp lần đầu: ngày….. tháng…. năm….)

(điều chỉnh lần thứ…: ngày…. tháng…. năm…..)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ…. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số…. do……chấp thuận ngày……;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do .....nộp ngày ..... và hồ sơ bổ sung nộp ngày .... (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số …… ngày…… …… của .....

---

[1] Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

[2] Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của ….. (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. do ..... (*tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư*) chấp thuận ngày……với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung ….. quy định tại Điều ….. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. ngày ….. được điều chỉnh như sau:

"Điều .....:

.....".

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung ….. quy định tại Điều ….. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. ngày ….. được điều chỉnh như sau:

"Điều .....:

.....".

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1 .....

2 .....

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày .....và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số .....do .....*(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số ....., điều chỉnh lần thứ..... ngày .... *(nếu có)*.

2. …..(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho……. *(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ)* và một bản được lưu tại ……. *(tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).*

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu: VT,…..

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh

và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 199 + 200)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng